TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DSST
Ngày 21/6/2023
"Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Drênh.
2. Bà Ngô Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn L, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (*Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N và Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N).*

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Như H, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai (*Theo Giấy ủy quyền lại số 10/2022/NHNo KCR-UQL, ngày 17/10/2022 của Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai).*

Bà H có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu V, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1983; địa chỉ: Làng B, xã Ch, huyện K, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022, Bản tự khai và ý kiến tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Ngày 18/4/2017, ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L có thỏa thuận vay của Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 170418.19/HĐTD. Cụ thể, tại Giấy nhận nợ số 03/GNN, ngày 03/5/2018 ông bà đã ghi nhận nợ tại Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai với số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/5/2019, phân kỳ trả lãi là 3 tháng 1 kỳ, biện pháp bảo đảm: Cho vay không bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Dư nợ gốc tính đến ngày 17/10/2022 còn lại là 99.080.000 đồng. Hiện tại, khoản vay tại hợp đồng tín dụng này đã quá hạn từ ngày 04/5/2019 nhưng hộ vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết tại hợp đồng tín dụng cũng như từng giấy nhận nợ và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N. Căn cứ vào điểm b khoản 6.1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng mà 02 bên đã ký kết, Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện K xem xét, giải quyết buộc ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 21/6/2023 là 158.989.469 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 99.080.000 đồng và tiền nợ lãi là 59.909.469 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng N cũng yêu cầu ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy nhận nợ số 03/GNN ngày 03/5/2018 kể từ ngày 21/6/2023 cho đến ngày thực tế ông bà trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai.

2. Về phía bị đơn trong vụ án là ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại làng B, xã Ch, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông V và bà L vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng Tòa án đã tiến hành cơ bản đúng quy định của pháp luật riêng về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với các đương sự trong vụ án thì nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, 35 39, 147, 227, 228, 266 và 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 119, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả tổng dư nợ (tạm tính đến ngày 21/6/2023) là 158.989.469 đồng trong đó nợ gốc là 99.080.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 59.909.469 đồng và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế ông Vĩ, bà Luận trả hết nợ cho Ngân hàng N.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng N ủy quyền cho Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai khởi kiện ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L có địa chỉ cư trú tại làng B, xã Ch, huyện K, tỉnh Gia Lai để yêu cầu ông bà trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 170418.19/HĐTD mà hai bên đã ký kết vào ngày 18/4/2017. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông bà phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng để xem xét, quyết định về vụ án là phù hợp.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 18/4/2017, Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai đã ký Hợp đồng tín dụng số 170418.19/HĐTD với ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L. Theo đó, Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai cho ông V, bà L vay số tiền 100.000.000 đồng. Cụ thể, tại Giấy nhận nợ số 03/GNN, ngày 03/5/2018 ông V và bà L đã ghi nhận nợ tại Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền gốc là 100.000.000 đồng với lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay, lãi chậm trả lãi

là 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/5/2019, phân kỳ trả lãi là 3 tháng 1 kỳ. Đây là khoản vay không bảo đảm bằng tài sản theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Dư nợ gốc của khoản vay tính đến ngày 17/10/2022 còn lại là 99.080.000 đồng.

Xét việc hai bên ký hợp đồng hợp đồng tín dụng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Dân sự và tại các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ. Quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù đã đến hạn trả gốc và lãi định kỳ nhưng bên vay không trả là vi phạm vào những cam kết mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nên khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Chính vì vậy, Ngân hàng N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V và bà L phải trả nợ gốc và lãi phát sinh.

Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/6/2023), ông V và bà L còn nợ Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền lãi là 59.909.469 đồng. Như vậy, cần buộc ông V và bà L phải trả cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ gốc là 99.080.000 đồng và 59.909.469 đồng tiền nợ lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 119, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L phải trả cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ gốc là 99.080.000 đồng

(Chín mươi chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) và 59.909.469 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm lẻ chín nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng) tiền nợ lãi, tổng cộng hai khoản là 158.989.469 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2023), ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc ông Trần Hữu V và bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 7.949.473 đồng (Bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền 3.723.304 đồng (Ba triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm lẻ bốn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004338 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn